TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2019
V/v: Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khoa Việt và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Lê Trúc Uyên– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh- Kiểm sát viên

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 26/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST- HNGĐ ngày 19/01/2018 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 01/03/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; *Có mặt*

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; *Có mặt*

3.*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông NLQ1, sinh năm: 1995 và bà NLQ2, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (ông NLQ1 vắng mặt, bà NLQ2 có mặt)

-Bà NLQ3, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

-Bà NLQ4, sinh năm: 1970. Địa chỉ: khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

-Bà NLQ5, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn Q, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

4.Người làm chứng: Ông NLC1, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 17/02/2016. Về chung sống với nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bà T thường xuyên về nhà cha mẹ đẻ ở, không chăm sóc khi ông bị tai nạn. Cảm thấy hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Ánh D, sinh ngày 15/12/2016. Thống nhất giao con cho bà T nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì ông V bán vé số tại Nha Trang thu nhập không đủ để lo cho bản thân. Trong trường hợp bà T không nuôi thì ông V nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: có 01 xe máy, hiệu Honda, nhãn hiệu Wave RS, do ông V đứng tên sở hữu. Khi ông V bị tai nạn giao thông đã bán để chữa trị nên không yêu cầu giải quyết phần tài sản.

Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: thống nhất quá trình kết hôn như nguyên đơn trình bày, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay ông Lê Văn V yêu cầu giải quyết ly hôn, bà T đồng ý.

-Về con chung: bà T yêu cầu được nuôi con. Hiện nay bà T phụ mẹ ruột bán quán nước thu nhập 50.000đ/ngày, chi phí tiền học và tiền sữa cho con không đủ nên yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung: bà T rút yêu cầu quyết tài sản chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung: giao con chung cho bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bị đơn ông V phải cấp dưỡng nuôi con 800.000đ/tháng. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, được UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/2016, quyển số 01, ngày 17/02/2016 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh những mâu thuẫn như đương sự đã trình bày; các đương sự không còn chung sống cùng nhau, không ai quan tâm và chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn, chung sống trở lại nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Từ ngày ông V và bà T xa nhau, bị đơn bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên xét thấy cần giao 01 con chung tên là Lê Nguyễn Ánh D, sinh ngày 15/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật HNGĐ năm 2014 quy định "cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Do đó để con có khả năng phát triển về mặt thể chất và tinh thần, buộc ông V phải cấp dưỡng nuôi con 800.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 4/2019 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 luật HNGĐ năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết. Vào ngày 25/02/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin rút yêu cầu chia phần tài sản chung là 01 xe máy và 11 chỉ vàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Văn V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 192, 194 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T.

-Về con chung: Giao 01 con chung là Lê Nguyễn Ánh D, sinh ngày 15/12/2016 (hiện nay đang ở với bà T) cho bà Nguyễn Thị Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Ông Lê Văn V cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 800.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 4/2019 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 luật HNGĐ năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đình chỉ một phần giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung. Đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án chia tài sản chung khi có yêu cầu

Về án phí : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn ông Lê Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2015/0009849 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Ông Lê Văn V còn phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DS-ST (án phí cấp dưỡng nuôi con).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2015/0010293 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Người TGTT;
-VKSND TP.Tuy Hòa;

-Chi cục THADS. TP.Tuy Hòa;
-TAND tỉnh Phú Yên;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Hoa Dung